

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 24/2002/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 2 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2001 - 2010 (điều chỉnh)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá tại tờ trình số 3108/UB-TCTN ngày 14 tháng 11 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 8354/BKH/VPĐT ngày 10 tháng 12 năm 2001,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2001- 2010 (điều chỉnh) với những nội dung chủ yếu sau:

1- Định hướng và mục tiêu phát triển:

a) Định hướng phát triển:

- Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp.
- Tăng tốc độ phát triển trên tất cả các lĩnh vực nhằm đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm cao hơn mức trung bình cả nước để rút ngắn dần khoảng cách so với cả nước.
- Gắn chuyển dịch cơ cấu kinh tế với nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh; ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng lợi thế, đáp ứng yêu cầu của thị trường; chủ động cùng cả nước hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- Xây dựng hệ thống đô thị, các khu công nghiệp trở thành các trung tâm kinh tế với chức năng là hạt nhân thúc đẩy phát triển các vùng nông thôn trong Tỉnh.
- Quan tâm đúng mức đến địa bàn nông thôn, các vùng trung du, miền núi nơi có nhiều khó khăn.
- Tăng trưởng kinh tế gắn với nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường; tạo việc làm cho người lao động; phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường và củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị.

b) Mục tiêu phát triển:

Mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh thời kỳ 2001 - 2010 là:

- Phấn đấu đuổi kịp mức trung bình của cả nước. Đến năm 2010 tổng sản phẩm trong Tỉnh (GDP) tăng 2,6 đến 2,8 lần so với năm 2000; cụ thể tập trung vào các mục tiêu chủ yếu sau:

+ Phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm trong Tỉnh (GDP) thời kỳ 2001 - 2010: 10,5% trở lên (phương án cũ 13 - 15%).

+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch như sau (%):

Các ngành, lĩnh vực kinh tế	Theo phương án đã duyệt năm 1996	Phương án điều chỉnh	
		Năm 2005	Năm 2010
Nông nghiệp	15	33,3	24 - 25
Công nghiệp	42	33,0	39 - 41
Dịch vụ	43	33,7	34 - 37

+ GDP bình quân đầu người: Phương án cũ: 1000 - 1200 USD/người; phương án điều chỉnh: năm 2005: 460 USD/người; năm 2010: 750 USD/người.

+ Phát triển mạnh kinh tế đối ngoại, mở rộng thị trường xuất khẩu; phấn đấu kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh đạt 160 triệu USD năm 2005 và 300 triệu USD năm 2010.

+ Giảm tốc độ phát triển dân số xuống dưới 1%/năm (phương án cũ là 1,7%).

+ Tạo chuyển biến về văn hoá và các vấn đề xã hội, phát triển nhanh giáo dục đào tạo, y tế, thể dục thể thao nhằm cải thiện thêm một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; môi trường tự nhiên được bảo vệ.

- Nâng cao năng lực về khoa học, công nghệ đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá; ứng dụng các công nghệ tiên tiến, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu đón nhận các đầu tư quy mô lớn phân bố trên địa bàn. Đồng thời góp phần tích cực vào chiến lược phát triển ngành, vùng của cả nước.

2. Những nhiệm vụ chủ yếu:

a) Về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp:

- Phấn đấu nhịp độ tăng trưởng trong cơ cấu GDP bình quân thời kỳ 2001 - 2010 là 5,0 - 5,5%. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn từ kinh tế thuần nông sang kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ. Tập trung sản xuất nông sản hàng hoá theo nhóm hàng, nhóm sản phẩm trên cơ sở dự báo cung cầu thị trường nông sản trong nước, khu vực và thế giới; tích cực ứng dụng khoa học công nghệ để giảm giá thành, tăng chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá.

+ Thực hiện thâm canh cao trên diện tích lúa được tưới tiêu chủ động. Phấn đấu đạt mục tiêu 1,5 triệu tấn lương thực ổn định từ năm 2005 trở đi.

+ Ổn định diện tích cây mía 30.000 ha, thâm canh tăng năng suất, bảo đảm đủ nguyên liệu cho các nhà máy đường.

+ Chăm sóc 7.800 ha cao su hiện có, hình thành vùng nguyên liệu 11.000 ha năm 2010, đạt sản lượng 10.000 - 12.000 tấn mủ cao su khô.

+ Ổn định diện tích chè hiện có, khi có điều kiện điều chỉnh quy mô chè theo chương trình của Nhà nước.

+ Xây dựng vùng trồng dứa 5.000 ha, sản lượng khoảng 300.000 tấn/năm; vùng trồng sắn 4.000 ha, sản lượng trên 100.000 tấn/năm, bảo đảm nguyên liệu hàng năm

cho chế biến xuất khẩu và tiêu dùng. Phát triển mạnh các cây ăn quả gắn với yêu cầu của thị trường.

+ Cây lạc nâng diện tích lên 20.000 - 23.000 ha, sản lượng khoảng 100.000 tấn/năm.

+ Cây cói: 4.000 ha, sản lượng 38.000 - 40.000 tấn (năm 2010).

+ Khuyến khích phát triển cây đậu tương, ngô theo hướng đẩy mạnh thâm canh, hạ giá thành, tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích và gắn vùng nguyên liệu với phát triển công nghiệp chế biến.

- Chăn nuôi: xây dựng vùng chăn nuôi nguyên liệu về thịt, sữa gắn với chế biến. Nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong công nghiệp lên 28% năm 2005 và lên trên 30% năm 2010.

- Lâm nghiệp: phát triển lâm nghiệp toàn diện, khai thác rừng sản xuất theo hướng đa canh, đa dạng các sản phẩm nông, lâm kết hợp, gắn với công nghiệp chế biến, xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu sản xuất 100.000 - 160.000 tấn giấy và bột giấy/năm.

- Thủy sản: đầu tư đồng bộ để phát triển nuôi trồng thủy sản, trọng tâm là nuôi tôm xuất khẩu. Đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện đánh bắt, nâng cao hiệu quả đánh bắt dễ khơi, dễ lộng, đánh bắt xa bờ.

Phấn đấu tăng GDP ngành thủy sản bình quân 10,5 - 12,0%/năm, sản lượng thủy sản trên 100.000 tấn vào năm 2010, trong đó khai thác 65.000 - 70.000 tấn, nuôi trồng 35.000 tấn; tôm nguyên liệu 10.500 tấn. Đạt kim ngạch xuất khẩu trên 50 triệu USD, giải quyết việc làm cho 70.000 lao động.

b) Phát triển công nghiệp:

Công nghiệp phải tạo ra sự vượt trội trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phấn đấu tăng GDP công nghiệp bình quân hàng năm thời kỳ 2001 - 2010 là 16,5- 20%.

- Thời kỳ 2001- 2005: Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp lọc hoá dầu bao gồm: Nhà máy lọc dầu số 2, công suất 7 triệu tấn/năm, Nhà máy sản xuất Polyester công suất 200.000 tấn/năm, Nhà máy sản xuất Polypropylene công suất 150.000 tấn/năm; công nghiệp sản xuất giấy và bột giấy; nhà máy sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp (

LAP) công suất 50.000 tấn/năm; phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; củng cố phát triển công nghiệp đóng, sửa chữa tàu thuyền, sản xuất công cụ nông nghiệp; công nghiệp sử dụng nhiều lao động: dệt, may, da giày, phục hồi nghề dệt lụa tơ tằm... tổ chức sắp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh, thay đổi thiết bị công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng sản xuất; đồng thời phát triển nhanh các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn góp phần công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Các sản phẩm chính: Xi măng trên 4 triệu tấn, đường 220.000 tấn, giấy và bột giấy 70.000- 80.000 tấn, tinh bột ngô, sắn, cà phê, cao su, nước dừa, nước cà chua cô đặc, hải sản 17.000- 18.000 tấn; trong đó, tôm đông 3.000 tấn, thịt đông 5.000 tấn, bột cá- dầu cá 1.500- 2.000 tấn.

Tiếp tục đầu tư các Khu công nghiệp, trước hết là các Khu công nghiệp tập trung. Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm cả giao thông, cảng, điện, nước, dịch vụ đô thị, đào tạo nguồn nhân lực ở Nghi Sơn phục vụ xây dựng Nhà máy lọc hoá dầu số 2 và Khu công nghiệp liên hợp trên diện tích đã quy hoạch.

- Thời kỳ 2006- 2010: Đưa công nghiệp lọc hoá dầu vào vận hành; mở rộng công suất các ngành công nghiệp có thế mạnh như: xi măng 6-7 triệu tấn; đá ốp lát 1,5-2 triệu m²; chế biến gỗ, tre luồng, đưa sản phẩm giấy và bột giấy lên 100.000 - 160.000 tấn; đường 300.000 tấn; tinh bột ngô xuất khẩu 30.000-50.000 tấn; tinh bột sắn 30.000 tấn; cà phê 10.000 tấn; cao su 4.000- 10.000 tấn; hải sản đông lạnh 10.000 tấn, trong đó tôm đông 5.000 tấn, thịt đông, lợn sữa; phân bón 250.000 tấn; thép cán 100.000 tấn. Xây dựng tổ hợp dệt- nhuộm; nhà máy phân lân vi sinh; vật liệu nhựa xây dựng; vật liệu chịu lửa ở Khu công nghiệp Lễ Môn; xây dựng nhà máy phân bón tổng hợp (DAP); nhà máy nhiệt điện; thép hình; cầu kiện bê tông; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; lắp ráp cơ khí... tại Khu công nghiệp Nghi Sơn.

c) Phát triển các ngành dịch vụ:

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ trong thời kỳ 2001- 2010 bình quân hàng năm là 9,0- 11,0%, góp phần phân bổ lại lao động trong các ngành kinh tế của Tỉnh.